Tram 1:

BN nữ, ... tuổi, NV vì vàng da. Bệnh 3 ngày. Ngày 1 đau quặn cơn ở HSP và thượng vị. Đau khoảng 30p rồi hết. Ngày hôm sau đau tính chất tương tự nhưng tăng dần. Ngày 3 mắt vàng tiểu vàng sậm, đi tiêu phân bình thường.

Tiền căn phát hiện sỏi túi mật không điều trị. Viêm gan B, có uống thuốc

Câu 1: chẩn đoán nghĩ nhiều nhật

- A. Viêm túi mật cấp do sỏi
- B. Viêm đường mật cấp do sỏi
- C. Viêm gan do virus
- D. Viêm đường mật do u

Câu 2: Dựa vào chẩn đoán trên, BN còn thiếu triệu chứng quan trọng nào

- A. Tiêu phân đen
- B. Nôn ói
- C. Sốt
- D. Ho ra máu

Câu 3: CLS nào dùng để chẩn đoán khi tiếp nhận BN ở khoa cấp cứu

- A. CT
- B. MRI
- C. SA bung
- D. Bilirubin

Câu 4: Yếu tố nào không thuộc 4F?

- A. Nữ
- B. Đái tháo đường
- C. Trên 40t
- D. Sinh để nhiều
- E. Béo phì

Câu 5: CLS nào nhạy cảm với viêm gan do rượu:

- A. Billirubin
- B. GGT
- C. CRP
- D. Albumin

Tram 2

BN nam 72 tuổi, bệnh 2 ngày, đau bụng quặn cơn quanh rốn, (điển hình của tắc ruột), không đi tiêu ? ngày,

Tiền căn : Mổ ruột thừa

Khám: bụng chướng đều nhẹ, không quai ruột nổi ko rắn bò, touchsee bóng trực tràng trống

Câu 1 : Triệu chứng quan trọng nào cần hỏi:

- Α. ..
- B. Có trung tiên được không?

Câu 2: Khám gì quan trọng cho chẩn đoán:

- A. Nghe âm ruột
- B. Dấu sóng vỗ
- C. Óc ách

D
Câu 3: Nguyên nhân nào KHÔNG phù hợp
A. Tắc ruột do dính
B. Tắc ruột do lao hồi manh tràng
C. Tắc ruột do U đại tràng
D. Tắc ruột do bã thức ăn
E. Tắc ruột do xoắn
Câu 4: CLS nào dùng để theo dõi diễn tiến tắc ruột/;
A. CTM, CRP
B. XQ BDKSS
C. MSCT
D. Siêu âm
E. Nội soi
Câu 5: BN tắc ruột do bít đơn thuần khi đến viện muộn có thể :
A. Đau quặn cơn tăng dần, ấn thấy đau chói
B. Âm ruột mất hoặc giảm
C
Trạm 3
BN nam, 74 tuổi. Bệnh 1 tháng. Bệnh nhân vàng da tăng dần trong 1 tháng nay nên người
nhà kêu đi khám. BN phát hiện thấy khối u kích thước cỡ trái cóc ở thượng vị, làm BN đau
thượng vị lan sau lưng một tháng nay. BN sụt cân trong 1 tháng nay. Đi tiêu phân bạc
màu
Câu 1:Vàng do do coi chấ gì
Câu 1:Vàng da do cơ chế gì
A. Tắc mật
A. Tắc mật B. Tán huyết
A. Tắc mậtB. Tán huyếtCâu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuỵ
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuỵ B. bóng vater
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuỵ B. bóng vater C. gan
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuỵ B. bóng vater C. gan D. Dạ dày
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuỵ B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN?
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuỵ B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuỵ B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuỵ B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u C.
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuy B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u C. D.
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuy B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u C. D. Câu 4: Tang nào di động theo nhịp thở:
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuy B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u C. D. Câu 4: Tang nào di động theo nhịp thở: A. Tụy
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuy B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u C. D. Câu 4: Tang nào di động theo nhịp thở: A. Tụy B. Dạ dày
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuy B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u C. D. Câu 4: Tang nào di động theo nhịp thở: A. Tụy B. Dạ dày C. Gan
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuy B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u C. D. Câu 4: Tang nào di động theo nhịp thở: A. Tụy B. Dạ dày
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuy B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u C. D. Câu 4: Tang nào di động theo nhịp thở: A. Tụy B. Dạ dày C. Gan D. Đại tràng ngang
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuy B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u C. D. Câu 4: Tang nào di động theo nhịp thở: A. Tụy B. Dạ dày C. Gan D. Đại tràng ngang Câu 5: CLS nào nhạy nhất với tắc mật ngoài gan:
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuy B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u C. D. Câu 4: Tang nào di động theo nhịp thở: A. Tụy B. Dạ dày C. Gan D. Đại tràng ngang Câu 5: CLS nào nhạy nhất với tắc mật ngoài gan: A. AST
 A. Tắc mật B. Tán huyết Câu 2: Nguyên nhân nghĩ nhiều gây nên triệu chứng do tạng nào A. Tuy B. bóng vater C. gan D. Dạ dày Câu 3: Cần khai thác thêm triệu chứng cơ năng nào ở BN? A. Buồn nôn, nôn B. Tính chất di động của khối u C. D. Câu 4: Tang nào di động theo nhịp thở: A. Tụy B. Dạ dày C. Gan D. Đại tràng ngang Câu 5: CLS nào nhạy nhất với tắc mật ngoài gan:

D. CRP

Trạm 4

Bệnh nhân nam, 6x tuổi, nghỉ hưu, phát hiện khối tròn mềm vùng bẹn P, khi đi tiểu thì xuất hiện còn nằm thì tự xẹp

Tiền căn: Mổ túi mật 10 năm....Hút thuốc

Câu 1: Khả năng nhiều nhất:

- A. TV gián tiếp
- B. Thoát vị đùi
- C. TV trực tiếp
- D. U....

Câu 2: Hỏi thêm gì ở tiền căn:

- A. Từ lúc mổ túi mật có đau quặn cơn tái đi tái lại ko
- B. Có bị nhiễm trùng tiểu tái lại ko
- C. Có phải rặn nhiều khi tiểu ko
- D. ...

Câu 3: Nghiệp pháp nào phù hợp với chẩn đoán ở trên:

- A. Chẹn lỗ bẹn sâu: Khối phồng vẫn xuất hiên
- B. Chạm ngón: chạm đầu ngón
- C.

Câu 4 : Điều nào là đúng với TV đùi:

- A. chỉ gặp ở nữ
- B. Dưới dây chẳng bẹn
- C.

Câu 5: Đặc điểm đúng với thoát vị bẹn nghẹt

- A. Lớn tuổi gia tăng tỉ lệ nghẹt
- B. Khối phòng căng ấn đau chói